TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 27- 03-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V T Địa chỉ: Số 89 L, phường , quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Quang H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 5707/2019/UQ-VPB ngày 22/7/2019), có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với anh Cao Văn T đã thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6754393 ngày 30/03/2016. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho anh T vay số tiền 200.000.000 đồng để mua sắm dụng cụ gia đình, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 24%/năm, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các

ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Anh T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi theo kỳ vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 30/4/2016. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và anh T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể đến ngày xét xử sơ thẩm, anh T mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 36.780.939 đồng và 92.243.982 đồng tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu anh T thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, tuy nhiên anh T không thực hiện việc trả nợ. Do anh T đã vi phạm thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 286.948.897 đồng (trong đó nợ gốc là 163.219.061 đồng, nợ lãi là 123.729.836 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 28/3/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Cao Văn T trình bày: Anh T thừa nhận việc Ngân hàng trình bày là đúng, giữa anh và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6754393 ngày 30/03/2016 để vay 200.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân và anh đã nhận đủ số tiền trên. Việc anh T vay tiền của Ngân hàng là nhu cầu của cá nhân anh, không liên quan đến vợ anh T là chị Phạm Thị S, anh T không sử dụng số tiền vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng vào mua sắm tài sản chung của gia đình, không chi tiêu chung vào gia đình mà anh T sử dụng riêng. Nay Ngân hàng khởi kiện anh, quan điểm của anh là đồng ý thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để anh được trả nợ khoảng 20.000.000 đồng/tháng vào nợ gốc và miễn giảm tiền lãi cho anh do hiện nay công việc kinh doanh của anh đang gặp khó khăn.

Chị Phạm Thị S là vợ anh Cao Văn T cũng có đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân huyện K, nội dung chị S không biết việc anh T vay tiền của Ngân hàng cụ thể thế nào, anh T cũng không sử dụng số tiền vay của Ngân hàng để mua sắm dụng cụ chung trong gia đình, chị không có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng đồng thời chị từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 290,471,478 Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 463, 466,468,688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/125/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Cao Văn T.

Xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6754393 ngày 30/03/2016 giữa Ngân hàng với anh T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là bên cho vay với bên vay là anh T. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, anh T đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 30/10/2017 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là anh T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh Cao Văn T phải thanh toán số tiền 286.948.897 đồng (trong đó nợ gốc là 163.219.061 đồng, nợ lãi là 123.729.836 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 28/3/2020 cho đến khi anh T trả hết nợ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều

471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V T, buộc anh Cao Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V T số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2020) là 286.948.897 đồng (trong đó nợ gốc là 163.219.061 đồng, nợ lãi là 123.729.836 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 28/3/2020 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6754393 ngày 30/03/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V T với anh Cao Văn T cho đến khi anh T trả hết nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần V T thì anh Cao Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V T theo lãi suất được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Cao Văn T có nghĩa vụ nộp 14.347.445 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V T số tiền 5.721.600 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0008788 ngày 24/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần V T, anh Cao Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS H. K;
- VKSND H. K;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang